TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/DS-ST
Ngày 29-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyên;

Ông Lê Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 566/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 488/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A.

Trụ sở: Đường P, phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phạm Thành N; địa chỉ: Đường X, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Đường X, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2024) (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G (ấp D mới), xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Xã E, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2025 và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N thì:

Ngày 03/8/2023, ông Trần Minh T đã ký với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 với khoản vay trị giá là 20.463.000đ, lãi suất: 50%/năm tương đương 4.17%/tháng. Sau khi Hợp đồng được ký kết, ngày 03/8/2023, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A đã giải ngân cho ông T số tiền vay nêu trên bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông T. Theo Hợp đồng tín dụng, ông T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền 1.333.553đ trong kỳ hạng 36 tháng kể từ ngày 25/8/2023 đến ngày 25/7/2026. Nhưng kể từ ngày được giải ngân đến nay, ông T chỉ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A 09 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 8.936.145đ, từ ngày 01/8/2024 đến nay, ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A đã liên hệ nhắc nợ nhiều lần qua điện thoại và gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông T nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A tổng số nợ còn thiếu của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 tạm tính đến ngày 29/7/2025 là 34.072.972đ, bao gồm: Nợ gốc là 20.463.000đ, nợ lãi trong hạn là 10.204.383đ, lãi quá hạn là 2.790.660đ, lãi chậm trả (tính trên số lãi trong hạn chưa thanh toán) là 614.929đ và tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh kể từ ngày 30/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

Bị đơn – ông Trần Minh T đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo kết quả xác minh ngày 09/5/2025 của Công an xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trần Minh T có hộ khẩu thường trú tại Ấp G (ấp D mới), xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Xã E, Thành phố Hồ Chí Minh), hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu gia đình không cung cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Ông.

Bị đơn – ông Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T trả số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023. Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 thì Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông T theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Căn cứ kết quả xác minh ngày 09/5/2025 của Công anxã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T có hộ khẩu thường trú tại Ấp G (ấp D mới), xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Xã E, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Như vậy, ông T đã thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn – ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa

nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 có chữ ký xác nhận của ông Trần Minh T và đại diện Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A; Phiếu báo nợ số giao dịch: FT23215657520602, số tham chiếu: 203043081658186.030001 ngày giao dịch: 03/8/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam; Giấy chứng nhận bảo hiểm tai nạn nhóm người vay số hợp đồng MAFC/TNNNV/20230804/00083193 ngày 03/8/2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N thì Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A đã chuyển tiền cho ông T số tiền 19.000.000đ, với nội dung "MIRAE ASSET CHUYEN TIEN GN TRAN MINH TRUNG HD 4808732" và nộp phí bảo hiểm 1.463.000đ thay ông T theo đúng thỏa thuận về "giải ngân số tiền vay" tại tiểu mục 7.4 mục 7 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 nên có cơ sở xác định ông T có vay tiền của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền 20.463.000đ, lãi suất 50%/năm (4.17%/tháng), thời hạn vay từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 25/7/2026. Nội dung Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 thể hiện việc giao kết hợp đồng giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A và ông T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực theo Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng ngày 31/10/2024 và trình bày của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A 09 kỳ (từ ngày 11/8/2023 đến ngày 31/7/2024) với tổng số tiền là 8.936.145đ, từ ngày 01/8/2024 đến nay ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A. Tính đến ngày 29/7/2025 ông T còn nợ Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền là 34.072.972đ, trong đó nợ gốc là 20.463.000đ, lãi trong hạn là 10.204.383đ, lãi quá hạn là 2.790.660đ, lãi chậm trả là 614.929đ. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 30/7/2025 cho đến khi ông T thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 và quy định tại Điều 280; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 23; Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của

Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A về việc buộc ông T trả toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

[4] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A, buộc ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 tính đến ngày 29/7/2025 là 34.072.972đ, trong đó nợ gốc là 20.463.000đ, lãi trong hạn là 10.204.383đ, lãi quá hạn là 2.790.660đ, lãi chậm trả là 614.929đ và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.703.649đ; Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Điều 117; Điều 280; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A.

Buộc ông Trần Minh T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A tổng số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4808732 ngày 03/8/2023 tính đến ngày 29/7/2025 là 34.072.972đ (ba mươi bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 20.463.000đ (hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng), lãi trong hạn là 10.204.383đ (mười triệu hai trăm lẻ bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), lãi quá hạn là 2.790.660đ (hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn sáu trăm sáu mươi đồng) và lãi chậm trả là 614.929đ (sáu trăm mười bốn nghìn chín trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày 30/7/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.703.649đ (một triệu bảy trăm lẻ ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 624.983đ (sáu trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0052137 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Nguyễn Thanh Thùy